

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DSST

Ngày: 08 – 6 - 2022.

*V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Luyên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Khắc Dũng.

2. Ông Nguyễn Đình Thanh.

- Thư ký phiên tòa: ông Hồ Quốc Nam – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Minh Nguyệt. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:18/2022/TLST-DS, ngày 20 tháng 01 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26A/2022/QĐXX-ST, ngày 23 tháng 5 năm 2022. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1971 (Có mặt)

Nơi cư trú: tổ dân phố 1, thị trấn EK, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: bà Trương Thị H2, sinh năm: 1968 (Có mặt)

Nơi cư trú: thôn 1B, xã CN, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 25/11/2021, tại các buổi làm việc tại tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Vào ngày 29/6/2020 bà Trương Thị H2 có vay của bà Nguyễn Thị H1 số tiền gốc là 55.000.000đồng, thời hạn vay là 01 tháng; lãi suất thỏa thuận là 1.500đ/1 triệu/1 ngày. Bà H2 có thể chấp cho bà H1 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 01 sổ hộ khẩu gia đình đều đứng tên bà Trương Thị H2. Quá trình vay tiền bà H2 có trả cho bà H1 5.000.000đồng tiền lãi thông qua việc bà H2 đưa cho bà H1 01 xe Honda Cup. Đến hạn trả nợ bà H1 đã nhiều lần yêu cầu bà H2 trả nợ gốc và lãi nhưng bà H2 không trả. Vì vậy,

bà H1 khởi kiện buộc bà Trương Thị H2 trả số tiền gốc đã vay là 55.000.000đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày vay đến ngày xét xử theo lãi suất 1.66%/1 tháng, khấu trừ đi số tiền lãi 5.000.000đồng bà H2 đã trả trước đó. Ngoài ra, bà Nguyễn Thị H1 không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 18/02/2022, đơn trình bày ngày 17/4/2022 và tại phiên tòa bị đơn bà Trương Thị H2 trình bày:

Bà Trương Thị H2 có vay của bà Nguyễn Thị H1 số tiền 55.000.000đồng, các bên có thỏa thuận lãi là 1.500đồng/1 triệu/ 1 ngày, khi vay tiền bà H2 có đưa cho bà H1 giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 01 sổ hộ khẩu gia đình. Quá trình vay tiền của bà H1 thì bà H2 cho rằng mình đã trả được 25.000.000đồng tiền lãi cho bà H1 nhưng không có giấy tờ thể hiện việc trả tiền lãi. Đồng thời bà H2 có đưa cho bà H1 01 xe Honda Cup để trả lãi, các bên có thống nhất giá trị chiếc xe này là 5.000.000đồng. Bà H1 khởi kiện bà H2 ra Tòa án thì bà H2 đồng ý trả tiền gốc đã vay là 55.000.000đồng. Đối với tiền lãi bà H2 đồng ý trả tiền lãi nhưng yêu cầu tính lãi theo Ngân hàng cho vay với mức lãi suất là 0,8%/tháng, bà H2 không đồng ý trả theo mức lãi suất là 1,66%/tháng. Đồng thời yêu cầu Tòa án xem xét khấu trừ số tiền lãi là 5.000.000đồng bà H2 đã trả cho bà H1 thông qua việc đưa cho bà H1 01 xe Honda Cup và đề nghị được trả dần số tiền gốc và tiền lãi. Ngoài ra, bà Trương Thị H2 không có ý kiến gì thêm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự và triệu tập các bên đương sự đến toà án để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Trương Thị H2 phải trả số tiền gốc đã vay là 55.000.000đồng và tiền lãi từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất yêu cầu là 1.66%/tháng.

Ý kiến của bị đơn bà Trương Thị H2 xác nhận còn nợ tiền của bà H1 là 55.000.000đồng tiền gốc và đồng ý trả tiền lãi nhưng với mức lãi suất là 0,8%/tháng, yêu cầu khấu trừ số tiền lãi đã trả là 5.000.000đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự và thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án

nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 71; Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Từ những tài liệu chứng cứ thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án và qua phần tranh luận công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1, buộc bà Trương Thị H2 phải trả số tiền gốc đã vay là 55.000.000đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Bà H1 có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sổ hộ khẩu cho bà H2, sau khi bà H2 đã thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật tranh chấp:** Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H1 đề ngày 25/11/2021, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Bị đơn bà Trương Thị H2 có nơi cư trú: thôn 1B, xã CN, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk. Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện EaKar thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Xét nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc đã vay là 55.000.000đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay bà Trương Thị H2 đều thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị H1 số tiền 55.000.000đồng là đúng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định việc bà H2 vay tiền của bà H1 là có thật. Việc giao kết hợp đồng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, bà Trương Thị H2 phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H1 số tiền đã vay gốc là 55.000.000đồng.

[2.2] **Về lãi suất và tiền lãi:** bà H1 yêu cầu tính tiền lãi từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 1,66%/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy: khi giao kết hợp đồng các bên có thỏa thuận về lãi suất là 1.500đồng/1 triệu/ 1 ngày nhưng mức lãi suất này cao nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa bà H1 yêu cầu tính mức lãi suất là 1,66%/tháng. Xét mức lãi suất mà bà H1 yêu cầu là phù hợp nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 29/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 08/6/2022 là 709 ngày: $55.000.000\text{đồng} \times 1.66\% \times 709 \text{ ngày} / 30 = 21.577.000\text{đồng}$.

Quá trình làm việc tại Tòa án bà H2 cho rằng bà H2 đã đưa cho bà H1 01 xe Honda Cup để trả tiền lãi và đã được các bên thống nhất trị giá là 5.000.000đồng và bà H1 đã đồng ý thống nhất với ý kiến này của bà H2. Xét thấy đây là sự thống nhất tự nguyện của các bên nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận. Do đó, bà H2 còn phải trả cho bà H1 số tiền lãi là 16.577.000đồng.

Đối với ý kiến của bà H2 cho rằng đã trả cho bà H1 số tiền lãi là 25.000.000đồng (ngoài số tiền 5.000.000đồng là giá trị chiếc xe Honda Cup) và yêu cầu tính lãi suất theo mức 0,8%/tháng. Xét yêu cầu của bà H2 đưa ra nhưng không có tài liệu chứng cứ để chứng minh cho việc trả tiền lãi là 25.000.000đồng, bên cạnh đó mức lãi suất 0,8%/tháng bà H2 yêu cầu không được bà H1 chấp nhận. Do đó, không có căn cứ để xem xét yêu cầu của bà H2.

Từ những phân tích nêu trên: Buộc bà Trương Thị H2 phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H1 số tiền đã vay là 55.000.000đồng và tiền lãi suất phát sinh tính đến ngày 08/6/2022 là 16.577.000đồng là có căn cứ.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ bà Trương Thị H2 có thể chấp cho bà Nguyễn Thị H1 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 393475 mang tên Trương Thị H2, diện tích sử dụng 99.6m² thửa đất số 146, tờ bản đồ 107 tại thôn 1B, xã CN, Ea Kar, Đắk Lắk và 01 sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Trương Thị H2. Các bên thế chấp tài sản nhưng không có hợp đồng thế chấp và không đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật nên bà H1 phải có trách nhiệm trả lại các tài sản trên cho bà H2 sau khi bà H2 đã thực hiện xong các nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi cho bà H1 là phù hợp.

Từ những phân tích trên xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3] **Về án phí:** Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nguyên đơn được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 463; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1.

Buộc bà Trương Thị H2 phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H1 số tiền đã vay gốc là 55.000.000đồng và tiền lãi suất phát sinh tính đến ngày 08/6/2022 là 16.577.000đồng. Tổng cộng là 71.577.000đồng (Bảy mươi một triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm(ngày 08/6/2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Sau khi bà H2 trả đầy đủ tiền gốc và lãi cho bà H1 thì bà H1 có trách nhiệm trả lại cho bà Trương Thị H2 bản chính các tài sản sau đây: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 393475 mang tên Trương Thị H2, diện tích sử dụng 99.6m² thửa đất số 146, tờ bản đồ 107 tại thôn 1B, xã CN, Ea Kar, Đắk Lắk và 01 sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Trương Thị H2.

Về án phí: Bà Trương Thị H2 phải chịu 3.578.000đồng tiền án phí DSST có giá ngạch (theo mức: 71.577.000đồng x 5%).

Hoàn trả lại số tiền 1.749.000đồng tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị H1 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar theo biên lai thu số 60AA/2021/0005807 ngày 19/01/2022.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện Ea Kar;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Luyện

